

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST

Ngày 13 - 9 - 2022

*V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất và  
Đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Ông Trương Thanh Quang.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 15/TB-TA, ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trương Văn D, sinh năm 1965, địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(có mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1966 – Văn phòng Luật sư Ngọc T – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)*

**2. Bị đơn:** ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1956, địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. *(có mặt)*

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Võ Thị D, sinh năm 1964. *(vợ ông D, có mặt)*

3.2. Chị Trương Thị Cẩm Y, sinh năm 1997. *(con ông D, có mặt)*

3.3. Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm 1987. *(con ông L, có mặt)*

3.4. Chị Nguyễn Bích T, sinh năm 1990. (vợ anh N, có mặt)

3.5. Chị Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1984. (con ông L)

Cùng địa chỉ cư trú: khóm Trung 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Ngọc P là ông Huỳnh Văn L sinh năm 1956, địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2022).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trương Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Lê Thị Ngọc T trình bày: Nguồn gốc phần đất hiện đang tranh chấp với bị đơn ông Huỳnh Văn L có diện tích là  $6,8m^2$  (Theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 923, tờ bản đồ số 16, loại đất nuôi trồng thủy sản, giáp lộ ĐT841, tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vào năm 2012 hộ ông D (bên mua) có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Huỳnh Văn L (bên bán) diện tích là  $194,92m^2$ , ngang giáp lộ là 13m, ngang sau hậu là 10m, chiều dài giáp Trạm y tế là 16,9m và chiều dài giáp đất ông Lê Hữu N là 17m. Thời điểm chuyển nhượng năm 2012 thì đất ông L chưa được cấp quyền sử dụng đất, đến năm 2014 thì hộ ông L mới được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất, rồi mới làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất qua cho hộ ông D (năm 2014), trong quá trình đo đạc đề làm thủ tục chuyển nhượng thì thiếu diện tích so với thỏa thuận, nên phía ông L mới mua thêm của ông T giáp sau hậu ngang 0,5m, dài 10m để lấp thêm cho đủ diện tích thỏa thuận (phần đất này đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nhưng hộ ông D đã sử dụng cất nhà ở) - Sau khi nhận chuyển nhượng (năm 2012) thì hộ ông D bỏ trống chưa cất nhà ở, đến năm 2020 hộ ông D mới san lấp bằng phẳng cất nhà ở và làm sân nhà, khi cất nhà xong thì hộ ông D có làm thêm mái che bằng khung sắt, lợp tôn từ trong nhà trở ra sân là 06m và dài là 11m (trước sân nhà), thì bên hộ ông L ra ngăn cản không cho hộ ông D gắn mái che, bên hộ ông L chỉ cho làm từ nhà ông D trở ra đường lộ là 5,5m, còn 0,5m giáp với đất lộ thì hộ ông L cho rằng là đất của ông L không có chuyển nhượng cho hộ ông D, nên từ đó xảy ra tranh chấp. Việc hộ ông L ra ngăn cản không cho hộ ông D gắn máy che trước cửa nhà và sửa sang lại phần đất trước cửa từ nhà ra tới lộ ĐT841 đã làm thiệt hại và ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt bình thường của hộ ông D, trong khi vào thời điểm chuyển nhượng đất năm 2012 là có thỏa thuận đến giáp lộ và hộ ông D được nhà nước cấp quyền sử dụng đất thửa đất 923, 922 thì cũng đến giáp lộ, không thể nào hộ ông L chuyển nhượng đất cho hộ ông D mà lại chừa ra 0,5m chiều ngang, chiều dài 13m phần giáp lộ không chuyển nhượng và không ai nhận chuyển nhượng đất mà lại chừa ra 0,5m chiều ngang, chiều dài 13m phần giáp lộ (cắt ngang mặt nhà) thì làm sau đi ra lộ (không có đường ra lộ), mục đích hộ ông D chuyển nhượng đất là để cất nhà ở.

Nay ông D và luật sư T cùng yêu cầu Tòa án tuyên xử phần đất hiện đang tranh chấp với hộ ông L có diện tích là  $6,8m^2$  (Theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 923, tờ bản đồ số 16, loại đất nuôi trồng thủy sản, giáp lộ ĐT841, đất tọa

lạc tại khóm Trung 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là thuộc quyền sử dụng của hộ ông D và nghiêm cấm hộ ông L có hành vi cản trở hộ ông D thực hiện việc sử dụng phần đất nêu trên.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản thì ông D xin rút lại không còn khởi kiện đối với ông L nữa.

**- Bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:** Vào năm 2012 thì gia đình ông L có chuyển nhượng (bán) cho ông Trương Văn D phần đất mà hiện tại hộ ông D đã cất nhà ở, với diện tích ngang trước 12,8m, ngang sau 9,9m, chiều dài cặp ông N là 16,2m, chiều dài giáp Trạm y tế 16,2m, giá chuyển nhượng lúc đầu thỏa thuận là 115.000.000 đồng, nhưng sau đó ông D trừ phần 03m giáp Trạm y tế là 20.000.000 đồng, và phần mí lộ đến nhà ông D là 20.000.000 đồng (phần đất tranh chấp), thực tế ông D đưa cho ông L chỉ có 80.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng đất thì ông D bỏ đất trống, ông D mới cất nhà ở mấy tháng nay (khoảng sau tết năm 2022 thì hoàn thành căn nhà). Khi ông D làm mái che và mua cát, đá sửa sang lại sân trước nhà thì ông L có ra ngăn cản không cho thợ làm, vì ông D làm mái che lấn qua đất của ông L còn chừa lại (bị ông D không nhận chuyển nhượng) nên ông L không đồng ý việc đó, phần đất từ mái che hiện nay trở vào nhà ông D thì là của hộ ông D, còn từ mí ngoài mái che trở ra đến lộ ĐT841 thì là đất của ông L, nên ông L ngăn cản không cho ông D làm. Theo đo đạc thực tế thì phần đất hiện đang tranh chấp là 6,8m<sup>2</sup> đây là đất của ông L chưa có chuyển nhượng (Bán) cho ông D và được nối liền ra đến lộ ĐT841 là đất thuộc hành lang lộ giới, nên ông L được quyền sử dụng, nếu Nhà nước có làm gì thì ông L đồng ý giao, ông D không được quyền sử dụng. Nay ông chỉ yêu cầu được sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp theo đo đạc thực tế là 6,8m<sup>2</sup> và từ phần đất này ra tới lộ ĐT 841.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D trình bày:** Thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Trương Văn D đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Cẩm Y trình bày:** Thống nhất ý kiến của cha chị là ông Trương Văn D đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh N trình bày:** Thống nhất ý kiến của cha anh là ông Huỳnh Văn L đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Bích T trình bày:** Thống nhất ý kiến của cha chồng là ông Huỳnh Văn L đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

**- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Phần đất tranh chấp mà hộ ông Trương Văn D đang sử dụng làm sân nhà có diện tích 6.8m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa 923, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại thị trấn Thường Thới Tiền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D đứng tên, nên hộ ông D được sử dụng mà hộ ông Huỳnh Văn L không được ngăn cản bằng mọi hình thức, từ đó cho thấy yêu cầu của ông D là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại của nguyên đơn ông Trương Văn D đối với ông Huỳnh Văn L là 9.900.000đồng là có cơ sở chấp nhận, vì: Việc hộ ông Liệt đã ngăn cản không cho ông D xây dựng mái che trên phần đất do ông D đứng tên đã làm thiệt hại tài sản của ông D như tiền vật liệu, tiền công thợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông D tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu bồi thường. Xét việc rút 01 phần yêu cầu là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn ông L nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu đã rút.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và đối tượng tranh chấp đều có cùng địa chỉ cư trú tại địa phận huyện Hồng Ngự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Phần đất tranh chấp, theo sơ đồ đo đạc số: 10/SĐ.ĐĐ/VP.ĐKĐĐHHN2022 ngày 12/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự thì có diện tích 6,8m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 923, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản, (giáp lộ ĐT841), tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (theo đo đạc thực tế thì có: Chiều dài hướng đông giáp đất ông Huỳnh Văn Q là 0,38m; Chiều dài hướng tây giáp đất Trạm y tế là 0,70m; Chiều dài hướng nam giáp Lộ ĐT841 là 12,8m; Chiều dài hướng bắc giáp đất của hộ ông Trương Văn D là 12,7m), hiện do hộ ông Trương Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/12/2021, ở thửa 923, tờ bản đồ số 16, tổng diện tích 73m<sup>2</sup>.

Phần đất này theo hộ ông D trình bày là có nguồn gốc của ông L, nhưng vào năm 2014 hộ ông D đã nhận chuyển nhượng lại với tổng diện tích 182m<sup>2</sup>, thửa 663, tờ bản đồ 16, mục đích: nuôi trồng thủy sản (ngang giáp lộ là 13m, ngang sau hậu là 10m, chiều dài phía giáp Trạm Y tế là 16,9m, chiều dài phía giáp đất ông Lê Hữu N là 17m), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày

10/9/2014 – đến ngày 30/11/2021 hộ ông D mới xin tách thành 2 thửa: Thửa 922, diện tích 109m<sup>2</sup> và thửa 923, diện tích 73m<sup>2</sup>, đều thuộc tờ bản đồ số 16 trong đó thửa 922 hộ ông D đã xin chuyển mục đích sử dụng thành đất ở đô thị (phù hợp với Công văn số: 2354/CNVPĐKĐĐ ngày 22/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự). Nay ông D yêu cầu xác định phần đất tranh chấp diện tích 6,8m<sup>2</sup> tiếp giáp với đất lộ ĐT841 là của ông D và gia đình ông D được sử dụng; Còn ông L cũng thừa nhận có chuyển nhượng phần đất trên cho ông D, nhưng ông L lại cho rằng khi thỏa thuận ban đầu là chuyển nhượng hết đất với số tiền là 115.000.000 đồng, đến khi làm thủ tục chuyển quyền thì phía ông D lại đề nghị trừ ra 03 mét ngang làm lối đi giáp phía Trạm Y tế và phần tranh chấp này (trước cửa nhà ông D và cặp với lộ ĐT 841), nên phía ông D chỉ trả tiền cho ông L có 80.000.000 đồng. Do đó phần diện tích 6,8m<sup>2</sup> tiếp giáp với đất lộ ĐT841 là vẫn còn dư ra của ông L, không có chuyển nhượng cho ông D, nên ông L không cho gia đình ông D sử dụng, khi Nhà nước có nhu cầu thì ông L giao.

Hội đồng xét xử, nhận thấy: Ý kiến nêu ra của phía ông L như nêu trên là không có cơ sở, vì phía ông D không thừa nhận, mà phía ông L không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là hợp pháp, chỉ có con dâu ông L (chị Nguyễn Bích T) đưa ra tại phiên tòa 01 đoạn ghi âm bằng điện thoại, cho rằng đã ghi lời nói của phía ông D thừa nhận chừa ra phần đất tranh chấp không chuyển nhượng, nhưng chị Bích T lại xác định thời điểm ghi âm trên là đến khi có xảy ra tranh chấp (ngăn cản không cho làm mái che trước sân nhà), chứ không phải ngay từ khi đo đất để làm thủ tục chuyển quyền, sang tên – do đó chưa đủ cơ sở để chứng minh. Trong khi đó theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Huỳnh Văn L với hộ ông Trương Văn D thì thể hiện hộ ông L thống nhất chuyển nhượng hết phần đất của mình tại vị trí đó cho ông D với tổng diện tích theo giấy được cấp là: 182m<sup>2</sup>, thửa 663, tờ bản đồ 16, mục đích: nuôi trồng thủy sản (ông L thừa nhận tại phiên tòa) và theo xác định tại sơ đồ đo đạc ngày 12/5/2022 thì phần đất diện tích 6,8m<sup>2</sup> tiếp giáp với đất lộ ĐT841 (cắt ngang trước cửa nhà của hộ ông D) là có vị trí thuộc một phần thửa 923, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản mà hộ ông L đã chuyển nhượng cho hộ ông D và hộ ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp. Do đó ý kiến của ông L cho rằng phần đất tranh chấp là vẫn còn của ông, không có chuyển nhượng cho ông D là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[3.]. Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Trương Văn D thì tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trương Văn D vẫn giữ nguyên ý kiến là rút lại không khởi kiện phần yêu cầu này đối với ông L. Xét thấy, việc rút yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Trương Văn D là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận và căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử.

[4.]. Đối với phần đất tiếp giáp với phần đất tranh chấp về hướng giáp lộ ĐT 841 là đất hành lang lộ giới (đất giao thông) do Nhà nước quản lý và nay các đương sự không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

[5.]. Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thực hiện xong giữa hộ ông Huỳnh Văn L với hộ ông Trương Văn D – không tranh chấp nên không

giải quyết.

[6]. Từ nhận định trên thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện và của Luật sư Lê Thị Ngọc T, về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[7]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp: Căn cứ vào các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, khi xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn ông Trương Văn D đã nộp tạm ứng số tiền là: 2.650.000 đồng tại hóa đơn thu ký hiệu: 2C22THH, số: 00000016 ngày 02/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy vụ án này nguyên đơn ông D được chấp nhận toàn bộ yêu cầu, nên bị đơn ông L có nghĩa vụ giao trả lại cho nguyên đơn ông D số tiền nêu trên.

[8]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để xem xét án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 157, 158, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 163, 164, 169, 245 Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 26, 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của nguyên đơn ông Trương Văn D đối với bị đơn ông Huỳnh Văn L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn D, về việc được quyền sử dụng phần đất diện tích 6,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 923, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản- tiếp giáp với đất lộ ĐT841(cắt ngang trước cửa nhà của hộ ông D - theo đo đạc thực tế thì có: Chiều dài từ điểm M3 đến M4 hướng đông giáp đất ông Huỳnh Văn Q là 0,38m; Chiều dài từ điểm M5 đến M6 hướng tây giáp đất Trại y tế là 0,70m; Chiều dài từ điểm M4 đến M5 hướng nam giáp Lộ ĐT841 là 12,80m; Chiều dài từ điểm M3 đến M6 hướng bắc giáp đất của hộ ông Trương Văn D là 12,70m), tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp mà hộ ông Trương Văn D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 31/12/2021.

3. Nghiêm cấm hộ ông Huỳnh Văn L và những người liên quan là Huỳnh Thanh N, Huỳnh Ngọc P, Nguyễn Bích T thực hiện hành vi lấn, chiếm, cản trở, gây khó khăn đối với hộ ông Trương Văn D trong việc thực hiện quyền sử dụng phần đất diện tích 6,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 923, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản- tiếp giáp với đất lộ ĐT841(cắt ngang trước cửa nhà của hộ ông D), tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nêu trên.

*(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 10/SĐ.ĐĐ/VP.ĐKĐĐHHN2022 ngày 12/5/2022*

*của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự)*

**4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp:**

Bị đơn ông Huỳnh Văn L có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trương Văn D số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 2.650.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn ông Huỳnh Văn L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Trương Văn D là: 547.500 đồng theo biên lai thu ký hiệu: 14BE-21, số: 0003903 ngày 25/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/9/2022). Đối với người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lâm Quốc Sách**